

Bản án số: 57/2021/DS-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

*Về việc: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Nừa

2. Bà Lý Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2020/TLST-DS ngày 30/10/2020, về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty H.

Địa chỉ: đường PDL, Phường S, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh T D H – sinh năm 1994 (theo giấy ủy quyền số 200505-03/UQ-COL ngày 05/5/2020) (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà C K A – sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường BS, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2020 của Công ty H cùng lời khai của anh T D H đại diện theo ủy quyền của Công ty H trình bày như sau:

Bà C K A có vay của Công ty H số tiền 40.600.000 đồng để sử dụng vào mục đích mua xe máy HONDA SH MODE. Hai bên có ký giấy đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 2W014422006 ngày 28/7/2019 và hợp đồng thế chấp số

2W014422006 ngày 28/7/2019, thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất là 2.42%/tháng, ngày thanh toán là ngày 25 hàng tháng, thời hạn thanh toán là từ ngày 25/8/2019 đến ngày 25/7/2020.

Sau khi vay, bà C K A đã thực hiện giao dịch mua xe máy HONDA SH MODE của Công ty T Q, với giá bán là 75.000.000 đồng, bà C K A trả trước 34.400.000 đồng và vay số tiền là 40.600.000 đồng của Công ty H theo thỏa thuận nêu trên để thanh toán tiền mua xe, Công ty H đã chuyển tiền bà A vay cho Công ty T Q vào ngày 01/8/2019. Từ sau khi vay cho đến nay bà A chưa thanh toán bất cứ tiền gốc, lãi, phí nào cho Công ty H. Do bà C K A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 23/02/2021, bà C K A còn nợ Công ty H các khoản sau: Nợ gốc là 40.600.000 đồng, lãi là; 4.607.157 đồng, lãi quá hạn là: 2.855.080 đồng. Tổng cộng là 48.062.237 đồng.

Công ty H do anh T D H đại diện theo ủy quyền có đơn đề ngày 16/4/2021 xin xét xử vắng mặt, xác định Công ty H yêu cầu cá nhân bà C K A trả cho Công ty H tổng số tiền nợ gốc là 40.600.000 đồng, tiền lãi là 4.607.157 đồng và tiền lãi quá hạn là 4.607.157 đồng, tổng cộng là 48.062.237 đồng, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bà C K A không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà C K A trả cho Công ty H tiền nợ vay tính đến ngày xét xử là 48.062.237 đồng. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh sau thời điểm xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 02/7/2020 Công ty H đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự) yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với bà C K A, có nơi cư trú tại đường BS, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C K A theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét bà A là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa và Công ty H do anh T D H đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C K A và anh T D H đại diện Công ty H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho bà C K A thông báo thụ lý số 769/TB-TLVA ngày 02/11/2020 về việc thụ lý vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo đơn khởi kiện của Công ty H yêu cầu bà A trả tiền vay còn nợ. Phía bà A không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ bà A đã “không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...” mà bên Công ty H đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Công ty H đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W014422006 ngày 28/7/2019 và hợp đồng thế chấp số 2W014422006 ngày 28/7/2019, cùng lời khai của đại diện Công ty H cho thấy giao dịch giữa Công ty H và bà A là “Hợp đồng vay tài sản” có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Bà C K A vay của Công ty H số tiền là 40.600.000 đồng để bổ sung tiền mua xe Honda SH Mode, lãi suất là 2.42%/tháng, mỗi tháng thanh toán 4.119.200 đồng, vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/8/2019 đến ngày 25/7/2020.

Đại diện Công ty H trình bày: Sau khi vay, bà C K A đã thực hiện giao dịch mua xe máy HONDA SH MODE của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Thái Quân, với giá bán là 75.000.000 đồng, bà C K A trả trước 34.400.000 đồng và sử dụng số tiền là 40.600.000 đồng vay của Công ty H để thanh toán tiền mua xe (Công ty H đã chuyển tiền bà A vay cho Công ty Việt Thái Quân vào ngày 01/8/2019). Từ đó đến nay bà A chưa thanh toán bất cứ tiền gốc, lãi, phí nào cho Công ty H. Hiện nay, bà C K A còn nợ Công ty H các khoản sau: Nợ gốc là 40.600.000 đồng, lãi là: 4.607.157 đồng, lãi quá hạn là: 2.855.080 đồng. Tổng cộng là 48.062.237 đồng.

Như vậy, bà C K A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của giấy đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W014422006 ngày 28/7/2019 và hợp đồng thế chấp số 2W014422006 ngày 28/7/2019. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, bà A có nghĩa vụ trả cho Công ty H tiền nợ vay gồm: Nợ gốc là 40.600.000 đồng, lãi là: 4.607.157 đồng, lãi quá hạn là: 2.855.080 đồng. Tổng cộng là 48.062.237 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền bà C K A còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà A phải trả cho Công ty H toàn bộ số tiền 48.062.237 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với đạo đức của xã hội và quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do bà A phải trả cho Công ty H số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 48.062.237 đồng x 5% = 2.403.111 đồng.

Do Công ty H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.201.556 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010732 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty H:

Buộc bà C K A phải có trách nhiệm trả cho Công ty H số tiền vay còn nợ là 48.062.237 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) (trong đó: Nợ gốc là 40.600.000 đồng, lãi là: 4.607.157 đồng, lãi quá hạn là: 2.855.080 đồng) theo giấy đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 2W014422006 ngày 28/7/2019 và hợp đồng thế chấp số 2W014422006 ngày 28/7/2019.

Bà C K A phải trả cho Công ty H toàn bộ số tiền 48.062.237 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày Công ty H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu nêu trên, hàng tháng bà C K A còn phải trả cho Công ty H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C K A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.403.111 đồng (hai triệu bốn trăm lẻ ba ngàn một trăm mười một đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty H số tạm ứng án phí đã nộp là 1.201.556 đồng (một triệu hai trăm lẻ một ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010732 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty H và bà C K A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa